

Số: 07/2022/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Định

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 84/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Định; Báo cáo thẩm tra số 31/BC-VHXXH ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Nghị quyết Quy định mức thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Định, với nội dung như sau:

1. Đối tượng áp dụng

a) Nghị quyết này áp dụng đối với nhà trẻ, nhóm trẻ độc lập, trường mẫu giáo, lớp mẫu giáo độc lập, trường mầm non, lớp mầm non độc lập công lập (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục mầm non); trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học công lập (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục phổ thông); trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh; trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên có dạy chương trình giáo dục phổ thông; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập có Đề án sử dụng tài sản công để cho thuê, liên doanh, liên kết được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện mức thu theo Đề án được duyệt.

c) Không áp dụng thu để thuê khoán người nấu ăn cho học sinh trong các cơ sở giáo dục công lập đã được ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo quy định hiện hành.

2. Mức thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục (có Phụ lục kèm theo Nghị quyết).

3. Nguyên tắc thực hiện

a) Mức thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục có quy định mức thu tối đa theo khoản 2 Điều 1 này phải thực hiện thỏa thuận giữa nhà trường với cha mẹ học sinh; khoản thu và mức thu khi thực hiện không vượt quá mức thu tối đa theo quy định. Việc thỏa thuận thực hiện bằng văn bản.

b) Các khoản thu, mức thu phải phù hợp với tình hình thực tế của các cơ sở giáo dục, điều kiện kinh tế - xã hội, thu nhập của cha mẹ học sinh và đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù chi, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

c) Căn cứ tình hình thực tế, cơ sở giáo dục và Ban đại diện cha mẹ học sinh xem xét miễn, giảm các khoản thu dịch vụ đối với những trường hợp: Con liệt sỹ; gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; bị tàn tật, khuyết tật (trừ cơ sở giáo dục trẻ em khuyết tật); mồ côi cả cha lẫn mẹ; con mồ côi cha hoặc mẹ gặp khó khăn về kinh tế.

4. Công tác quản lý thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục.

Mức thu, mức chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục phải đưa vào Quy chế chi tiêu nội bộ của các cơ sở giáo dục công lập trước khi tổ chức thực hiện.

5. Thời gian thực hiện: Từ năm học 2022 - 2023.

Điều 2: Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ GD&ĐT;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT Tỉnh ủy (b/cáo);
- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy, ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Hồ Quốc Dũng

Phụ lục



**QUY ĐỊNH MỨC THU CÁC KHOẢN DỊCH VỤ PHỤC VỤ,
HỖ TRỢ GIÁO DỤC TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP**

*(Kèm theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non vào ngày thứ 7 và trong thời gian nghỉ hè	Ngàn đồng/trẻ/ngày	30
2	Dịch vụ bán trú (không bao gồm tiền ăn)	Ngàn đồng/học sinh/tháng	150
3	Dạy thêm, học thêm trong nhà trường		
	- THCS	Ngàn đồng/học sinh/tiết	7
	- THPT	Ngàn đồng/học sinh/tiết	8
4	Hỗ trợ hoạt động dạy nghề phổ thông (hỗ trợ tiền mua phôi liệu dạy nghề)		
	- THCS	Ngàn đồng/học sinh/tháng	20
	- THPT	Ngàn đồng/học sinh/tháng	30
5	Thi tốt nghiệp nghề phổ thông	Ngàn đồng/học sinh/đợt	60
6	Dạy trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh và dạy ngoại ngữ (môn tự chọn) và làm quen Tin học cho học sinh lớp 1, 2	Ngàn đồng/học sinh/giờ (hoặc tiết)	10

Đỗ Xuân